TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11-2018
V/v Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con, phân chia tài sản chung, nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Võ Ánh Sửu.

- Ông Bùi Ngọc Hoàng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ksơr Y Kơn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 252/2017/TLST - HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2017, về việc kiện "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, phân chia tài sản chung và nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thúy H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn E, huyện E, Đắk Lắk; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Hoàng V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn E, huyện E, Đắk Lắk; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đào Thị D; sinh năm 1964 và ông Đỗ Thanh H; sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Công ty TNHH vận tải và thương mại V.

Chủ sở hữu: Ông Lê Hoàng V; sinh ngày 07/4/1982 đồng thời là bị đơn.

Địa chỉ: Số 408 đường G, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Công ty TNHH thương mại B.

Chủ sở hữu: Ông Hồ Văn B; sinh năm 1955; có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số 266 – 268 N, phường 8, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tuấn D, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch E (Theo giấy ủy quyền số 3958/2017/GUQ-PL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của tổng giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần S); địa chỉ: Số 565 đường G, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn chị Đỗ Thị Thúy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thúy H và anh Lê Hoàng V chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BGM, tỉnh Bình Phước. Hai người chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua một thời gian tìm hiểu. Trong quá trình chung sống anh chị hạnh phúc được một thời gian, sau đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn không thể hòa giải được do anh V đi làm ăn xa không quan tâm đến vợ con, anh chị cũng đã sống ly thân với nhau. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh V được nữa nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về nuôi con chung: Chị Đỗ Thị Thúy H và anh Lê Hoàng V có 01 con chung là Lê Hoàng P, sinh ngày 10/6/2014, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu P cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu anh V cấp dưỡng cho chị tiền nuôi cháu P 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh V có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 100m^2 xây dựng trên đất diện tích 218,6m^2 tại số 27 đường N, tổ dân phố 10, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cùng một số tài sản trong nhà, 03 chiếc xe tải, 01 xe máy hiệu Vision và 01 xe máy hiệu Wave. Yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Chị H và anh V có nợ bố mẹ chị H là ông Đỗ Thanh H và bà Đào Thị D số tiền 500.000.000 đồng, tiền nợ ngân hàng thương mại cổ phần S 650.000.000 đồng. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc bị đơn anh Lê Hoàng V trình bày.

Anh Lê Hoàng V và chị Đỗ Thị Thúy H sau một thời gian tìm hiểu thì hai người kết hôn với nhau vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B T, huyện B G M, tỉnh Bình Phước. Khi kết hôn hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn giữa anh với gia đình chị H. Hiện nay, anh V không còn tình cảm với chị H nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về nuôi con chung: Anh V và chị H có với nhau 01 con chung như chị H trình bày, anh V đồng ý giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu P đủ 06 đến 07 tuổi. Sau đó, anh V sẽ gửi cháu vào trường nội trú. Trong thời gian chị H nuôi dưỡng cháu P anh V đồng ý cấp dưỡng số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống hai vợ chồng có tạo lập được 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 100m^2 xây dựng trên đất diện tích 218,6m^2 tại số 27 đường NGT, tổ dân phố 10, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cùng một số tài sản trong nhà, 01 chiếc xe máy hiệu Vision và 01 chiếc xe máy hiệu Wave, hai chiếc xe máy hiện nay mỗi người sử dụng một chiếc; 03 chiếc xe tải là xe biển số 47C - 128.66, xe biển số 47C - 106.46, xe biển số 47C- 069.99 anh V đã bán nên không đồng ý phân chia như theo ý kiến của chị H.

Về nợ chung: Anh V và chị H có nợ ông Đỗ Thanh H và bà Đào Thị D số tiền 500.000.000 đồng, vợ chồng anh đã trả được 100.000.000 đồng nợ gốc, chưa trả được lãi từ thời điểm vay đến nay. Nay ông H, bà D yêu cầu trả 500.000.000 đồng, anh V cho rằng chỉ nợ ông H, bà D số tiền 400.000.000 đồng vì anh đã trả được 100.000.000 đồng nợ gốc rồi, chấp nhận trả lãi suất theo quy định pháp luật từ thời điểm vay đến khi trả xong số nợ trên.

Từ ngày 01/9/2016 đến ngày 30/7/2017 công ty TNHH vận tải và thương mại V (sau đây viết tắt là công ty V) có mua dầu nhớt của công ty TNHH thương mại B (sau đây viết tắt là công ty B) – do ông Hồ Văn B là chủ sở hữu và nợ lại số tiền 400.000.000 đồng, số tiền nợ này là mua dầu nhớt mục đích phục vụ việc kinh doanh vận tải của công ty V và phục vụ cho gia đình. Nay anh V chấp nhận trả nợ này và yêu cầu chị H cùng trả nợ 400.000.000 đồng của ông Hồ Văn B.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh H và bà Đào Thị D trình bày:

Ngày 29/3/2015 anh Lê Hoàng V và chị Đỗ Thị Thúy H có vay của vợ chồng ông H bà D số tiền 500.000.000 đồng. Trong quá trình vay anh V chị H đã trả cho vợ chồng ông bà 100.000.000 đồng tiền lãi suất. Nay ông bà yêu cầu chị H anh V trả số nợ 500.000.000 đồng và lãi suất theo lãi suất ngân hàng

thương mại cổ phần S tính từ ngày vay cho đến nay (có khấu trừ số tiền trả lãi 100.000.000 đồng).

Tại bản tự khai và quá trình làm việc người đại diện cho công ty TNHH thương mại B ông Hồ Văn B trình bày:

Từ ngày 01/9/2016 đến ngày 30/7/2017 công ty V có mua dầu nhớt của công ty B, số nợ tiền mua dầu nhớt là 400.000.000 đồng, người đứng ra mua là anh Lê Hoàng V– chủ sở hữu công ty. Nay ông yêu cầu anh V trả cho công ty B số tiền 400.000.000 đồng và lãi suất theo quy định từ ngày 30/7/2017 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho chị H ly hôn với anh V, cần giao con chung Lê Hoàng P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; cần buộc anh V cấp dưỡng cho chị H 2.000.000 đồng/tháng để nuôi dưỡng cháu P cho đến khi đủ 18 tuổi; cần chấp nhận việc rút yêu cầu về việc phân chia tài sản của chị H; cần buộc vợ chồng chị H anh V phải trả cho ông Đỗ Duy H và bà Đào Thị D 500.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật; anh Lê Hoàng V – chủ sở hữu công ty TNHH vận tải và thương mại V phải trả cho công ty TNHH thương mại B 400.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị Thúy H và anh Lê Hoàng V là vợ chồng. Do mâu thuẫn trong quá trình chung sống, nên chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc ông Đỗ Thanh H và bà Đào Thị D yêu cầu anh Lê Hoàng V và chị Đỗ Thị Thúy H trả 500.000.000 đồng và tiền lãi suất và công ty B yêu cầu anh Lê Hoàng V – chủ sở hữu công ty V trả 400.000.000 đồng và tiền lãi suất là phù hợp với với khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 73, khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Thúy H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu phân chia tài sản chung với anh Lê Hoàng V. Căn cứ vào khoản 4 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị H là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, nên cần chấp nhận.

Bị đơn anh Lê Hoàng V đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Chị Đỗ Thị Thúy H và anh Lê Hoàng V chung sống với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BGM, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54, ngày 15 tháng 5 năm 2012. Hai người chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua thời gian tìm hiểu. Trong quá trình chung sống anh chị hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của hai người khác nhau, không còn chung quan điểm và cách sống nên xảy ra cãi vã, anh chị đã sống ly thân. Nay nhận thấy chị H và anh V không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại, nếu tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai người. Mặt khác, anh V cũng đồng ý ly hôn với chị H. Vì vậy, cần cho chị H và anh V được ly hôn, để giải phóng sự ràng buộc giữa hai người.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị Thúy H và anh Lê Hoàng V có 01 con chung là Lê Hoàng P, sinh ngày 10/6/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh V thỏa thuận giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho chị H nuôi dưỡng cháu P đến khi cháu đủ 18 tuổi. Mặt khác, cháu P còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần giao cháu Lê Hoàng P cho chị Đỗ Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục và anh V cấp dưỡng số tiền 2.000.000 đồng/tháng để chị H nuôi dưỡng cháu P.

[5] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Thúy H và anh Lê Hoàng V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về nợ chung: - Đối với khoản nợ 500.000 đồng: Chị Đỗ Thị Thúy H và anh Lê Hoàng V có vay của vợ chồng ông Đỗ Thanh H và bà Đào Thị D số tiền 500.000.000 đồng. Trong quá trình vay anh V, chị H đã trả 100.000.000 đồng. Anh V cho rằng số tiền trả nợ là trả vào tiền nợ gốc nhưng vợ chồng ông H cho rằng số tiền đó là trả vào tiền lãi. Vợ chồng ông H bà D yêu cầu chị H, anh V trả số tiền 500.000.000 đồng và lãi suất theo lãi suất ngân hàng thương

mại cổ phần S vì các bên có thỏa thuận trong giấy vay tiền (khấu trừ số tiền đã trả 100.000.000 đồng).

Xét thấy, Việc thiết lập hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng anh V chị H với vợ chồng ông H bà D là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, được quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Nay vợ chồng ông H bà D đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay tài sản nhưng vợ chồng anh V chị H không thực hiện nghĩa vụ của bên vay tài sản là phải trả đủ tiền khi đến hạn. Như vậy, anh V chị H đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 473 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Việc anh V chị H không thực hiện nghĩa vụ của bên vay tài sản đối với bên cho vay tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông H, nên ông H bà D yêu cầu anh V chị H trả 500.000.000 đồng và tiền lãi suất sau khi đã khấu trừ 100.000.000 đồng tiền lãi là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Anh V cho rằng anh đã trả 100.000.000 đồng vào số tiền nợ gốc nhưng không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án ông H bà D yêu cầu anh V chị H phải trả lãi suất theo lãi suất ngân hàng thương mại cổ phần S vì các bên đã thỏa thuận trong giấy vay tiền, mặt khác ông bà cũng vay tiền ngân hàng về cho vợ chồng anh V chị H vay, thời hạn kể từ ngày vay (29/3/2015) cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Xét thấy: Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là theo kỳ hạn ngân hàng ngân hàng thương mại cổ phần S kể từ ngày vay đến tháng 03/2017, sau đó không có thỏa thuận lãi suất. Như vậy, việc thỏa thuận về lãi suất của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận. Còn kể từ tháng 04/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm các bên không có thỏa thuận lãi suất, anh V chị H đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên anh V chị H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả được quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, cần buộc anh V chị H phải chịu tiền lãi kể từ ngày 29/3/2015 đến ngày 30/3/2017 như sau: [500.000.000 đồng x 0,92%/tháng x 732 ngày] : 30 = 112.240.000 đồng. Lãi suất không có thỏa thuận kể từ ngày 01/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là: [500.000.000 đồng x 0,833% x 602 ngày] : 30 = 83.577.000 đồng.

- Đối với khoản nợ 400.000.000 đồng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Hồ Văn B yêu cầu anh Lê Hoàng V phải trả cho công ty B số tiền mua dầu nhớt từ ngày 01/9/2016 đến ngày 30/7/2017 là 400.000.000 đồng

và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 30/7/2017 cho đến ngày giải quyết xong vụ án.

Anh V cho rằng công ty V có mua dầu nhớt của công ty B – do ông Hồ Văn B là chủ sở hữu số tiền 400.000.000 đây là số nợ mua dầu nhớt để kinh doanh vận tải, mục đích phục vụ việc kinh doanh của công ty V và phục vụ cho gia đình. Nay anh V yêu cầu chị H cùng anh trả số nợ này.

Xét thấy: Việc thiết lập hợp đồng mua bán tài sản giữa anh Lê Hoàng V – chủ sở hữu công ty V với ông Hồ Văn B – chủ sở hữu công ty B là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, được quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nay công ty B đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên bán tài sản nhưng công ty V không thực hiện nghĩa vụ của bên mua tài sản là phải trả đủ tiền. Như vậy, công ty V đã vi phạm nghĩa vụ của bên mua tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc công ty V không thực hiện nghĩa vụ của bên mua tài sản đối với bên bán tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công ty B, nên công ty B yêu cầu công ty V trả 400.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Tuy nhiên, công ty V là công ty TNHH một thành viên – chủ sở hữu là Lê Hoàng V, theo quy định tại khoản 1 Điều 63 luật Doanh nghiệp thì *"...chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn điều lệ của công ty"*; khoản 3 Điều 65 quy định: "*chủ sở hữu công ty là các nhân phải tách biệt các chi tiêu cá nhân và gia đình mình với các chi tiêu trên cương vị là Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc"*. Mặt khác, người đứng ra giao dịch là anh Lê Hoàng V nên việc anh V yêu cầu chị H phải đứng ra cùng trả khoản nợ 400.000.000 đồng cho công ty B là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về lãi suất của khoản nợ 400.000.000 đồng: Khi mua bán hai bên không có thỏa thuận lãi suất, nhưng có thỏa thuận về việc bên mua phải giao tiền cho bên bán, phía công ty B cũng đã yêu cầu công ty V trả nợ nhiều lần nhưng vẫn không trả. Như vậy, công ty V đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi đối với số tiền chậm trả được quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, cần buộc công ty V phải chịu tiền lãi kể từ ngày 30/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm như sau: [400.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 483 ngày] : 30 = 53.645.200 đồng.

- Đối với khoản nợ ngân hàng thương mại cổ phần S: Trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Đỗ Thị Thúy H có yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ 650.000.000 đồng mà vợ chồng chị vay tại ngân hàng thương mại cổ phần S nhưng đại diện cho ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Vì vậy, cần tách yêu cầu này ra giải quyết trong vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[7] Về án phí dân sự: Cần buộc chị Đỗ Thị Thúy H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật; cần buộc chị Đỗ Thị Thúy H và anh Lê Hoàng V, công ty V do Lê Hoàng V làm chủ sở hữu phải chịu án phí dân sự đối với các khoản nợ; cần trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Đào Thị D ông Đỗ Duy H; ông Hồ Văn B đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28; khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều Điều 471, Điều 473 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 1, khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 63, khoản 3 Điều 65 của luật Doanh nghiệp;

- Khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thúy H, chị Đỗ Thị Thúy H được ly hôn với anh Lê Hoàng V.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Hoàng P, sinh ngày 10/6/2014 cho chị Đỗ Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Hoàng V phải cấp dưỡng số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho chị Đỗ Thị Thúy H để nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng P, thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng là hàng tháng.

Anh Lê Hoàng V có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không

ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị Đỗ Thị Thúy H về việc yêu cầu chia 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 100m^2 xây dựng trên đất diện tích 218,6m^2 tại số 27 đường NGT, tổ dân phố 10, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cùng các tài sản trong nhà, 03 chiếc xe tải, 01 chiếc xe máy hiệu Vision và 01 chiếc xe máy hiệu Wave.

5. Về các khoản nợ: Buộc anh Lê Hoàng V và chị Đỗ Thị Thúy H phải trả cho ông Đỗ Duy H và bà Đào Thị D số tiền 500.000.000 đồng tiền nợ gốc, 195.817.000 đồng tiền nợ lãi (tính đến ngày 27/11/2018), tổng cộng là 695.817.000 (Sáu trăm chín mươi lăm triệu tám trăm mười bày nghìn) đồng. Khấu trừ 100.000.000 đồng tiền lãi mà anh V chị H đã trả. Anh Lê Hoàng V và chị Đỗ Thị Thúy H còn phải trả 595.817.000 (Năm trăm chín trăm chín mươi lăm triệu tám trăm mười bảy nghìn) đồng, mỗi người phải trả 297.908.500 đồng.

Buộc công ty TNHH vận tải và thương mại V do Lê Hoàng V làm chủ sở hữu trả cho công ty TNHH thương mại B do ông Hồ Văn B làm chủ sở hữu số tiền 400.000.000 đồng và 53.645.200 đồng tiền nợ lãi (tính đến ngày 27/11/2018). Tổng cộng là 453.645.200 (Bốn trăm năm mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm) đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất khi thi hành án khi đương sự có yêu cầu.

6. Về án phí dân sự: Chị Đỗ Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự trong vụ án ly hôn, 14.895.000 đồng tiền án phí dân sự, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Đỗ Thị Thúy H đã nộp theo biên lai số: AA/2014/0043060, ngày 19/5/2017 và 14.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2014/0043149, ngày 28/6/2017 (đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk). Buộc chị Đỗ Thị Thúy H tiếp tục phải chịu 895.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Hoàng V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và 14.895.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Công ty TNHH vận tải và thương mại V do Lê Hoàng V làm chủ sở hữu phải chịu 22.145.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Hồ Văn B số tiền 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2016/0002186, ngày 23/11/2017.

Trả lại cho ông Đỗ Thanh H và bà Đào Thị D số tiền 12.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2016/0002173, ngày 20/11/2017.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Thúy H; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh H, bà Đào Thị D; công ty TNHH thương mại B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lê Hoàng V; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện E;
-UBND xã BT, huyện BGM, tỉnh Bình Phước (Số ĐKKH , ngày 15/5/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Đăng Khoa